

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát tối ưu hóa tần số cho độ phân giải không gian và tối ưu hóa thâm nhập</li> <li>- Kiểm soát màu sắc và mật độ dòng 2D</li> <li>- CPA PRF tối đa 34 KHz, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng lâm sàng</li> </ul>
	<p><b>9.3. Doppler phổ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiển thị chú thích bao gồm chế độ Doppler, thang chia tỷ lệ (cm/sec) giới hạn Nyquist, bộ lọc thành, độ sáng, hiệu suất siêu âm, kích thước hình khối, hiển thị bình thường hoặc nghịch đảo, hiệu chỉnh góc, biểu đồ thang xám</li> <li>- Tốc độ phổ FFT phần nghìn giây siêu nét</li> <li>- Hiệu chỉnh góc và tự động điều chỉnh tỷ lệ vận tốc</li> <li>- Điều chỉnh được dài tốc độ hiển thị.</li> <li>- Có ≥ 9 vị trí di chuyển (bao gồm đường mốc 0)</li> <li>- Lựa chọn tốc độ quét, 5 tốc độ quét có thể lựa chọn: Tối thiểu, Chậm, Trung bình, Nhanh và Tối đa</li> <li>- Lựa chọn định dạng hiển thị: tỷ lệ 1/3-2/3, 1/2-1/2, 2/3-1/3, cạnh nhau, toàn màn hình</li> <li>- Khả năng lái tia lên đến 90° (+/- 45°), phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng lâm sàng</li> <li>- Chế độ xem lại Doppler cho phép phân tích lại các dữ liệu Doppler</li> <li>- Có ≥ 256 mức thang xám riêng biệt</li> <li>- Có trên tất cả mọi đầu dò.</li> <li>- Điều chỉnh kích thước cửa sổ lấy mẫu: 1.0-20 mm (tùy vào đầu dò)</li> <li>- Phạm vi PRF giữa 200 Hz-34 KHz, tùy thuộc vào đầu dò và ứng dụng lâm sàng</li> </ul>
	<p><b>9.4. Doppler liên tục (CW)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có trong ứng dụng siêu âm tim trên đầu dò Sector</li> <li>- Có thể lái tia 90°</li> <li>- Vận tốc tối đa: 19m/giây (tùy vào đầu dò)</li> <li>- Chức năng tự động điều chỉnh thang chia và đường cơ sở</li> </ul>
	<p><b>9.5. Doppler mô cơ tim (TDI)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sẵn trên các đầu dò tim</li> <li>- Kiểm soát tốc độ khung hình: thu nhận tốc độ khung hình cao của chuyển động mô (lên đến 240 khung hình / giây)</li> <li>- Độ lợi TDI, tương thích TGC và LGC</li> <li>- Tần số truyền và nhận được tối ưu hóa</li> <li>- Có tối đa 8 loại bản đồ màu</li> <li>- Chế độ TDI M-mode và TDI-PW khả dụng, tùy thuộc vào đầu dò</li> </ul>
	<p><b>10. Bộ nhớ ảnh Cine</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu ảnh 2D/Màu: ≥ 2,200 ảnh</li> <li>- Dữ liệu Doppler/M-Mode: ≥ 64 giây</li> <li>- Dữ liệu Doppler liên tục: ≥ 48 giây</li> <li>- Lựa chọn tốc độ phát lại</li> <li>- Khả năng cắt dữ liệu 2D</li> <li>- Hiển thị số khung hình 2D đang hiển thị trên màn hình</li> <li>- Chọn lựa ảnh bằng con lăn điều khiển</li> <li>- Nhiều điều khiển có sẵn trong đánh giá cineloop để xử lý hậu kỳ như độ sáng 2D, dải động / nén, bộ lọc giảm nhiễu lốm đốm, phóng đại, thu phóng hình ảnh</li> </ul>